DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Cán bộ coi thi 1

Môn học: **Lập trình hướng đối tượng (229034) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2** Tổ: **001**

Ngày thi: **23/04/2022** Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D2-06**

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vào
1	2120110246	LƯU VĂN	ÂN	10/02/2002	CCQ2011H				7.6	7.0	7.2	
2	2120110214	NGUYỄN THANH	BÌNH	03/10/2001	CCQ2011G							
3	2120110215	VÕ CƯỜNG	CHÍ	06/01/2002	CCQ2011G				6.5	6.0	6.2	
4	2120110268	VÕ MINH	DIỆT	01/02/2002	CCQ2011H							
5	2119110313	TẠ ĐẶNG ANH	DƯƠNG	11/01/2001	CCQ1911J				7.5	8.2	7.9	
6	2120110248	NGUYỄN ĐÌNH	ĐẠT	11/06/2002	CCQ2011H				6.5	6.1	6.3	
7	2120110216	NGUYỄN TUẤN	ĐẠT	07/10/2002	CCQ2011G				6.8	6.9	6.9	
8	2120120212	HUỲNH THANH	ĐIỆP	04/08/2000	CCQ2011H							
9	2120110217	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	05/11/2002	CCQ2011G				8.0	8.0	8.0	
10	2120110218	HUỲNH VĂN	HẢI	23/02/2002	CCQ2011G				7.0	6.6	6.8	
11	2120110220	NGUYỄN THÁI	HIỆP	29/10/2001	CCQ2011G				6.6	7.0	6.8	
12	2120110219	NGUYỄN VĂN	HIẾU	29/03/2002	CCQ2011G				3.7	3.9	3.8	
13	2118110105	TRẦN MINH	HIẾU	20/09/2000	CCQ1811B				6.8	7.9	7.5	
14	2120110222	NGUYỄN VĂN	HÙNG	28/07/2002	CCQ2011G				3.4	3.4	3.4	
15	2120110223	NGUYỄN DUY	KHA	03/01/2002	CCQ2011G				7.0	4.9	5.7	
16	2120110250	NGUYỄN HOÀNG	KHANG	26/07/2002	CCQ2011H				7.8	7.1	7.4	
17	2118170191	LÊ NGUYÊN	KHÔI	17/12/2000	CCQ1811E				7.7	8.0	7.9	
18	2120110224	NGUYỄN VĂN	KHÔI	10/06/2000	CCQ2011G							
19	2120110225	TRẦN THỊ XUÂN	MAI	01/02/2002	CCQ2011G				7.7	6.8	7.2	
20	2120110251	CHU HOÀNG	NAM	19/06/2002	CCQ2011H				5.5	4.1	4.7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Mã nhận dạng: 991677

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Lập trình hướng đối tượng (229034) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2** Tổ: **001**

Ngày thi: **23/04/2022** Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D2-06**

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

Cán bộ coi thi 1: NX Nhật

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn
21	2120110271	ĐINH TẤN	NAM	25/12/2002	CCQ2011H				5.6	5.8	5.7	
22	2119110255	HỒ MINH	NGHĨA	06/02/2001	CCQ1911H				6.1	5.3	5.6	
3	2120110252	KIỀU TÂY	NGUYÊN	14/02/2002	CCQ2011H				7.4	6.9	7.1	
4	2120110229	LÊ VĂN	NGUYÊN	18/11/2001	CCQ2011G				6.7	4.8	5.6	
5	2120110228	QUÁCH TRUNG	NGUYÊN	04/09/2002	CCQ2011G				8.2	8.0	8.1	
	2120110230	NGUYỄN ĐÌNH	NHẬT	02/02/2002	CCQ2011G							
	2120170704	NGUYỄN HỮU	NHẬT	14/11/2001	CCQ2011G				6.3	6.0	6.1	
	2120110369	NGUYỄN KIM	PHI	24/05/2002	CCQ2011H				7.4	7.1	7.2	
	2120110358	NGUYỄN HUỲNH TẤN	PHONG	05/08/2002	CCQ2011G				7.5	8.2	7.9	
	2118110138	TRẦN ĐẠI	PHONG	27/08/2000	CCQ1811B				6.9	7.6	7.3	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Cán bộ coi thi 1

Môn học: **Lập trình hướng đối tượng (229034) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2** Tổ: **001**

Ngày thi: **23/04/2022** Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D2-06**

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tr
1	2120110246	LƯU VĂN	ÂN	10/02/2002	CCQ2011H				7.6	7.0	7.2	
2	2120110214	NGUYỄN THANH	BÌNH	03/10/2001	CCQ2011G							
3	2120110215	VÕ CƯỜNG	CHỈ	06/01/2002	CCQ2011G				6.5	6.0	6.2	
4	2120110268	VÕ MINH	DIỆT	01/02/2002	CCQ2011H							
5	2119110313	TẠ ĐẶNG ANH	DƯƠNG	11/01/2001	CCQ1911J				7.5	8.2	7.9	
6	2120110248	NGUYỄN ĐÌNH	ĐẠT	11/06/2002	CCQ2011H				6.5	6.1	6.3	
7	2120110216	NGUYỄN TUẤN	ĐẠT	07/10/2002	CCQ2011G				6.8	6.9	6.9	
8	2120120212	HUỲNH THANH	ĐIỆP	04/08/2000	CCQ2011H							
9	2120110217	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	05/11/2002	CCQ2011G				8.0	8.0	8.0	
10	2120110218	HUỲNH VĂN	HẢI	23/02/2002	CCQ2011G				7.0	6.6	6.8	
11	2120110220	NGUYỄN THÁI	HIỆP	29/10/2001	CCQ2011G				6.6	7.0	6.8	
12	2120110219	NGUYỄN VĂN	HIẾU	29/03/2002	CCQ2011G				3.7	3.9	3.8	
13	2118110105	TRẦN MINH	HIẾU	20/09/2000	CCQ1811B				6.8	7.9	7.5	
14	2120110222	NGUYỄN VĂN	HÙNG	28/07/2002	CCQ2011G				3.4	3.4	3.4	
15	2120110223	NGUYỄN DUY	KHA	03/01/2002	CCQ2011G				7.0	4.9	5.7	
16	2120110250	NGUYỄN HOÀNG	KHANG	26/07/2002	CCQ2011H				7.8	7.1	7.4	
17	2118170191	LÊ NGUYÊN	KHÔI	17/12/2000	CCQ1811E				7.7	8.0	7.9	
18	2120110224	NGUYỄN VĂN	KHÔI	10/06/2000	CCQ2011G							
19	2120110225	TRẦN THỊ XUÂN	MAI	01/02/2002	CCQ2011G				7.7	6.8	7.2	
20	2120110251	CHU HOÀNG	NAM	19/06/2002	CCQ2011H				5.5	4.1	4.7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001420

Cán bộ coi thi 1

Bùi Tấy Viên

Môn học: **Lập trình hướng đối tượng (229034) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2** Tổ: **002**

Ngày thi: **23/04/2022** Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D2-08**

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòn
21	2120110263	HOÀNG NGỌC NHẬT	TRƯỜNG	08/09/2002	CCQ2011H				6.3	3.6	4.7	
22	2120110242	NGUYỄN ĐĂNG	TRƯỜNG	06/02/2002	CCQ2011G			Trường	5.6	5.4	5.5	
23	2120110264	NGUYỄN NHỰT	TRƯỜNG	10/06/2002	CCQ2011H			Trường	6.2	5.4	5.7	
~~24~~	~~2120110265~~	~~LÊ CÔNG TUẤN~~	~~TÚ~~	~~30/07/2002~~	~~CCQ2011H~~							
25	2120110360	PHẠM QUỐC	TÚ	15/05/2002	CCQ2011G				9.2	7.7	8.3	
~~26~~	~~2120110266~~	~~LÊ THẾ~~	~~TỤ~~	~~23/10/2001~~	~~CCQ2011H~~							
~~27~~	~~2120110243~~	~~TRẦN THANH~~	~~TUẤN~~	~~06/02/2002~~	~~CCQ2011G~~							
28	2120110244	ĐỖ XUÂN	TÙNG	05/05/2002	CCQ2011G				6.5	5.4	5.8	
29	2120110276	VÕ MINH	VIỆT	18/06/2002	CCQ2011H				5.5	6.6	6.2	
30	2120110278	HÀ QUANG	VŨ	05/10/2002	CCQ2011H				8.3	6.8	7.4	